

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 137-HĐBT ngày 27-4-1992 về quản lý giá.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Để chuyển công tác quản lý giá phù hợp với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp và người tiêu dùng, góp phần ổn định đời sống nhân dân;

Căn cứ kết luận của Hội đồng Nhà nước tại phiên họp ngày 21 và 22 tháng 2 năm 1992 xem xét dự án Pháp lệnh về giá;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

1. DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ CHUẨN VÀ GIÁ GIỚI HẠN

Điều 1. - Nhà nước định giá chuẩn:

1. Điện, cước thư, cước điện thoại, điện báo trong nước;
2. Thủy lợi phí đối với việc sử dụng nước từ công trình thủy lợi đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước;
3. Tài nguyên nhượng bán hoặc cho thuê;
4. Đất cho thuê;
5. Nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho thuê hoặc bán.

Điều 2. - Nhà nước định giá giới hạn:

1. Giá tối đa hàng chuẩn: xăng dầu, kim loại, urê, xi măng, giấy in báo, cước vận chuyển bằng đường sắt, đường biển đối với lương thực từ Nam ra Bắc, phân bón từ Bắc vào Nam và một số hàng hóa quan trọng đưa lên miền núi, giá giới hạn mua vào và bán ra các mặt hàng thuộc danh mục dự trữ quốc gia.

2. Giá tối thiểu mua thóc, giá tối đa bán gạo tại các thị trường trọng điểm khi có biến động giá;

3. Giá tối đa nước máy tại các thành phố, khu công nghiệp;

4. Giá xuất khẩu tối thiểu bằng ngoại tệ: gạo, dầu thô, giá nhập khẩu tối đa bằng ngoại tệ: xăng dầu, urê;

5. Giá để tính thuế đối với đất;

6. Giá để tính thuế một số hàng nhập khẩu;

7. Tỷ giá giữa đồng ngân hàng Việt Nam và đồng ngoại tệ.

Điều 3. - Nhà nước quy định cơ chế quản lý giá đối với:

1. Công trình xây dựng cơ bản thuộc sở hữu Nhà nước;
2. Tài sản cố định thuộc sở hữu Nhà nước nhưng bán;
3. Giá tài sản cố định áp dụng trong cơ chế bảo toàn vốn;

4. Cước bưu chính viễn thông quốc tế.

Điều 4. - Thẩm quyền của các ngành, các cấp trong việc quản lý và quy định giá:

1. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng:

a) Quy định cơ chế quản lý giá đối với: công trình xây dựng cơ bản và giá tài sản thuộc sở hữu Nhà nước, cước bưu chính viễn thông quốc tế;

b) Quyết định giá điện, cước thư, cước điện thoại và điện báo trong nước;

c) Quyết định giá giới hạn xăng ô-tô, dầu điê-zen, dầu mazut, dầu hỏa.

2. Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước:

a) Được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền ban hành một số quyết định giá những mặt hàng ghi tại khoản 1 của Điều này.

b) Thẩm định các phương án giá do các Bộ quản lý ngành hàng trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

c) Chủ trì bàn với các Bộ, các ngành liên quan trình Hội đồng Bộ trưởng việc phân công quyền định giá giữa các Bộ các ngành đối với danh mục mặt hàng ghi tại Điều 1, Điều 2,

Điều 3 ngoài danh mục thuộc Hội đồng Bộ trưởng quyết định và giá những hàng hóa dịch vụ khác thanh toán bằng nguồn ngân sách cấp.

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện giá hàng hóa và dịch vụ do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

e) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm kỷ luật Nhà nước về giá theo các quy định hiện hành.

3. Các Bộ quản lý ngành hàng :

a) Chỉ đạo các doanh nghiệp thuộc Bộ mình quản lý lập phương án giá trình Bộ và đồng gửi Ủy ban Vật giá Nhà nước (đối với hàng hóa và dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Bộ và Ủy ban Vật giá nhà nước).

b) Đối với mặt hàng thuộc Hội đồng Bộ Trưởng quyết định giá, thì Bộ quản lý ngành hàng lập phương án giá trình Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt, sau khi có ý kiến thẩm định của Ủy ban vật giá Nhà nước.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố:

a) Tổ chức chỉ đạo thực hiện quyết định giá hàng hoá, dịch vụ do cấp có thẩm quyền ở trung ương quy định áp dụng tại địa phương.

b) Quyết định giá nước máy tại các thành phố, khu công nghiệp và giá một số ít hàng hóa, dịch vụ khác ngoài thẩm quyền định giá của trung ương, mà địa phương thấy cần thiết phải chỉ đạo giá sau khi thống nhất ý kiến về danh mục những hàng hóa, dịch vụ này với Ủy ban Vật giá Nhà nước.

Điều 5. - Cơ quan có thẩm quyền định giá chuẩn và giá giới hạn có trách nhiệm:

1. Phê duyệt giá đúng thời hạn theo quy định của nhà nước.

2. Định lại giá chuẩn, giá giới hạn khi chi phí sản xuất biến động từ 5% đến 10% hoặc quan hệ cung cầu có thay đổi, cần thiết phải định lại giá.

Điều 6. - Đại diện Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tổ chức xã hội khác được nhận phương án giá có liên

quan, tham gia thảo luận khi xác định mức giá và phê duyệt giá.

II. BÌNH ỔN GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI.

Điều 7. - Nhà nước thực hiện các biện pháp kinh tế để bình ổn giá cả thị trường xã hội, phấn đấu từng bước kiểm chế và đẩy lùi lạm phát. Áp dụng các biện pháp có hiệu lực nhằm trước hết bình ổn giá lương thực, và tỷ giá hối đoái giữa đồng tiền Việt Nam với các ngoại tệ mạnh.

Ủy ban Vật giá Nhà nước chịu trách nhiệm thu thập, phân tích và thông báo kịp thời diễn biến giá cả thị trường trong nước và ngoài nước, đề xuất các giải pháp bình ổn giá, điều chỉnh mặt bằng giá và quan hệ tỷ giá cho phù hợp với sự thay đổi của giá quốc tế.

Điều 8.- Doanh nghiệp Nhà nước kinh doanh hàng hóa thuộc danh mục bình ổn giá ghi tại điều 7 và khoản 1 điều 2 có trách nhiệm :

1. Báo cáo tình hình sản xuất, lưu thông, dự trữ tồn kho, giá đang mua bán theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá;

2. Chấp hành các biện pháp về kinh tế, hành chính theo Luật pháp nhằm bình ổn giá.

Điều 9. - Khi hàng hoá thuộc danh mục bình ổn giá có dấu hiệu đột biến về giá, cơ quan có thẩm quyền quản lý Nhà nước về giá được quyền:

1. Kiểm soát định mức tối đa tồn kho hàng hoá của doanh nghiệp theo quy định của Hội đồng Bộ Trưởng;

2. Kiểm soát các yếu tố hình thành giá, nhất thiết phải nộp vào Ngân sách Nhà nước phần chênh lệch do man khai các yếu tố hình thành giá hoặc thông báo cho cơ quan thuế xác định lại mức thuế phải nộp do đầu cơ tăng giá.

III. DĂNG KÝ GIÁ, HIỆP THƯƠNG GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ.

Điều 10. - Tổ chức thực hiện thí điểm hình thức đăng ký giá những hàng hóa, dịch vụ (không duyệt giá) của các doanh nghiệp có kinh doanh với khối lượng lớn, chi phối giá cả

thị trường nhưng không thuộc diện Nhà nước định giá. Trong năm 1992, tổ chức đăng ký giá đối với phân lân, thuốc trừ sâu thông dụng, bông, thuốc kháng sinh thông dụng, vật liệu nổ, cước cáng biển.

Ủy ban Vật giá Nhà nước qui định thủ tục, hồ sơ đăng ký giá và chủ trì cùng phối hợp với các Bộ quản lý các cơ sở kinh doanh các sản phẩm nói trên trong việc tổ chức thực hiện thí điểm, tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng để mở rộng hình thức đăng ký giá đối với các mặt hàng quan trọng khác.

Điều 11. - Cơ quan quản lý Nhà nước về giá của Trung ương và tỉnh và thành phố được quyền tổ chức hiệp thương giá trong các trường hợp:

1. Khi đơn vị kinh doanh đề nghị cơ quan quản lý giá tổ chức hiệp thương do không thỏa thuận được mức giá ký hợp đồng;

2. Khi cơ quan quản lý Nhà nước phát hiện đơn vị kinh doanh có hành động lợi dụng thế độc quyền hoặc liên minh độc quyền để tăng giá hoặc hạ giá gây thiệt hại cho doanh nghiệp khác, người tiêu dùng và Nhà nước.

Trong trường hợp đã tổ chức hiệp thương, mà các bên vẫn chưa thỏa thuận được mức giá thì cơ quan quản lý giá ban hành quyết định giá để phục vụ kịp thời sản xuất, lưu thông. Sau một thời gian thực hiện nếu thấy cần thiết thì tổ chức lại việc hiệp thương giá.

Ủy ban Vật giá Nhà nước ban hành qui chế hiệp thương giá, hướng dẫn các tỉnh thành phố và các doanh nghiệp thực hiện.

Điều 12. - Các doanh nghiệp phải niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Nhà nước định giá tại cửa hàng phù hợp với chủng loại, quy cách chất lượng, trọng lượng, số lượng để mua bán được thuận lợi. Đối với những hàng hóa, dịch vụ khác, khuyến khích các doanh nghiệp niêm yết giá theo giá do doanh nghiệp tự định.

Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo việc tổ chức thực hiện niêm yết giá đối với hàng công nghiệp bán tại cửa hàng thuộc các trung tâm thương nghiệp thành phố, thị xã và giá mua nông sản, thực phẩm của dân (lượng thực,

cà phê, bông, chè...) phù hợp với phẩm chất, quy cách từng mặt hàng tại các điểm mua.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. - Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây của Hội đồng Bộ trưởng trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá nhà nước chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra các ngành, các cấp, các doanh nghiệp thực hiện Quyết định này.

T/M. Hội đồng Bộ trưởng
K/T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 145 - HĐBT ngày 29 - 4 - 1992 ban hành quy định tạm thời về việc cho người nước ngoài nhận con nuôi là trẻ em Việt Nam bị mồ côi, bị bỏ rơi, bị tàn tật ở các cơ sở nuôi dưỡng do ngành Lao động - Thương binh và xã hội quản lý.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Luật hôn nhân và gia đình ngày 29 tháng 12 năm 1986;

Căn cứ Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 12 tháng 8 năm 1991;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội,